

CÔNG TY CỔ PHẦN FUNNY GROUP
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN FUNNY GROUP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: FUNNY GROUP JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: FUNNY GROUP .,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0107854170

3. Ngày thành lập: 22/05/2017

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 90, ngõ 167 Tây Sơn, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 01678117863

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
2.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
3.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610(Chính)
4.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động tư vấn đầu tư;	6619
5.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
6.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
7.	Khai thác khí đốt tự nhiên	0620
8.	Khai thác muối	0893
9.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh./.	8299
10.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
11.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
12.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu	8559
13.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
14.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
15.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
16.	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý	2420
17.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
18.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe	2930
19.	Bán buôn đồ uống	4633

20.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp) Bán buôn cao su Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại Bán buôn bột giấy; Bán buôn đá quý;	4669
21.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
22.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ	5221
23.	Bốc xếp hàng hóa	5224
24.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
25.	Bưu chính	5310
26.	Dịch vụ đóng gói	8292
27.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
28.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
29.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
30.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
31.	Sản xuất thân xe có động cơ, rơ moóc và bán rơ moóc	2920
32.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
33.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
34.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
35.	Sản xuất xe có động cơ	2910
36.	Xây dựng nhà các loại	4100
37.	Khai thác gỗ	0221
38.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0222
39.	Thu nhặt sản phẩm từ rừng không phải gỗ và lâm sản khác	0230
40.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
41.	Sản xuất giống thủy sản	0323
42.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
43.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
44.	Bán mô tô, xe máy	4541
45.	Đại lý, môi giới, đấu giá	4610
46.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào	4634
47.	Khai thác và thu gom than non	0520

48.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn dụng phẩm và dụng cụ y tế; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao;	4649
49.	Đóng tàu và cấu kiện nổi	3011
50.	Xây dựng công trình công ích	4220
51.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
52.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
53.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động môi giới thương mại,	7490
54.	Cho thuê xe có động cơ	7710
55.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
56.	Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp	0130
57.	Khai thác dầu thô	0610
58.	Khai thác quặng sắt	0710
59.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
60.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
61.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
62.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu	0899
63.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên	0910
64.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác	0990
65.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
66.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
67.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
68.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
69.	Sản xuất mô tô, xe máy	3091
70.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
71.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
72.	Phá dỡ	4311
73.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
74.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
75.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
76.	Bán buôn thực phẩm	4632
77.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
78.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651

79.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
80.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
81.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
82.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
83.	Vận tải đường ống	4940
84.	Trồng rừng và chăm sóc rừng	0210
85.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
86.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
87.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
88.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
89.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
90.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;	4659
91.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
92.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
93.	Bán buôn tổng hợp	4690
94.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
95.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
96.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
97.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322

6. Vốn điều lệ: 20.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN HỒNG QUẢNG	T49K4, Phường Hồng Gai, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	150.000	1.500.000.000	7,500	100696354	
			Tổng số	150.000	1.500.000.000	7,500		
2	TRẦN NGỌC HÀ	Số nhà 34B, Ngõ 230 Lạc Trung, Phường Thanh Lương, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	150.000	1.500.000.000	7,500	079078000004	
			Tổng số	150.000	1.500.000.000	7,500		
3	BÙI ĐỨC HÙNG	Số 11B, Ngõ 804 Bạch Đằng, Phường Bạch Đằng, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	500.000	5.000.000.000	25,000	013389040	
			Tổng số	500.000	5.000.000.000	25,000		
4	NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	Số 8, ngõ 93, phố Lý Nam Đế, Phường Cửa Đông, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.200.000	12.000.000.000	60,000	011438244	
			Tổng số	1.200.000	12.000.000.000	60,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRẦN NGỌC HÀ

Giới tính: Nam

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 16/12/1978

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 079078000004

Ngày cấp: 17/06/2014

Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số nhà 34B, Ngõ 230 Lạc Trung, Phường Thanh Lương, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số nhà 34B, Ngõ 230 Lạc Trung, Phường Thanh Lương, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội